

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **920/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/12/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước;
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1863/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thúy Phượng**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 002 lô C, chung cư Phạm Viết Chánh, Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Minh Trí**, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 146/37/46 Vũ Tùng, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Ngô Thị Thúy Phượng và ông Trần Minh Trí là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh ngày 12/12/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2015, quyền số 01/2015. Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Trần Huyền My, sinh ngày 01/6/2016 và Trần Trí Nhân, sinh ngày 10/11/2018. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, bà Ngô Thị Thúy Phượng yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Trí; về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; về cấp dưỡng, bà yêu cầu ông Trần Minh Trí cấp dưỡng mỗi trẻ 5,000,000 (Năm triệu) đồng/tháng, tổng cộng là 10,000,000 (Mười triệu) đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ghi nhận những vấn đề sau đây:

Tại Bản khai ngày 09/12/2020, nguyên đơn trình bày: Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc trong khoảng thời gian đến khoảng năm 2018 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có những lời lẽ, hành động làm tổn thương nhau. Nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ tháng 01/2020 đến nay. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tại đơn đề ngày 30/11/2021, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2021, bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Bị đơn đồng ý ly hôn và giao hai con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; mỗi tháng cấp dưỡng 10,000,000 (Mười triệu) đồng cho hai trẻ cho đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung bị đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 06/4/2021, bị đơn cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên; tại đơn xin vắng mặt ngày 06/4/2021, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo trả lời xác minh của Công an Phường 2, quận Bình Thạnh và lời khai của đương sự, ông Trần Minh Trí hiện đang cư trú tại số 146/37/46 Vũ Tùng, Phường 2, quận Bình Thạnh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được ghi nhận trong Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/4/2021.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2015 đăng ký ngày 12/12/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Ngô Thị Thúy Phượng và ông Trần Minh Trí đã có đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét, hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn tồn tại trong một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, điều này cũng được bị đơn thừa nhận. Hai bên không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2020. Bị đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù địa phương chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn nào giữa các đương sự nhưng cuộc sống gia đình nhất thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm. Hiện nay, hai bên đương sự mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hai bên xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét trình bày của các đương sự phù hợp với các tài liệu mà Tòa án thu thập được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh (bản sao) số 238/TLKS-BS ngày 22/6/2016, do UBND Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Trần Huyền My, sinh ngày 01/6/2016 (Giấy khai sinh số 91/2016 ngày 22/6/2016), Trích lục khai sinh (bản sao) số 484/TLKS-BS ngày 26/12/2016 do UBND Phường 2, quận Bình Thạnh cấp cho trẻ Trần Trí Nhân,

sinh ngày 10/11/2018 (Giấy khai sinh số 194 ngày 26/12/2018) và Công văn số 07/UBND ngày 21/01/2021 của UBND Phường 2, quận Bình Thạnh thì có căn cứ xác định trẻ Trần Huyền My và Trần Trí Nhân là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bị đơn đồng ý. Hai bên cũng thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con là 5,000,000 (Năm triệu) đồng/tháng mỗi trẻ. Xét hai trẻ hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với điều kiện thực tế và quyền lợi của trẻ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thúy Phượng và ông Trần Minh Trí ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2015 đăng ký ngày 12/12/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Ngô Thị Thúy Phượng và ông Trần Minh Trí hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao cho bà Ngô Thị Thúy Phượng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Huyền My, sinh ngày 01/6/2016 và Trần Trí Nhân, sinh ngày 10/11/2018.

Ông Trần Minh Trí có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Trần Minh Trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5,000,000 (Năm triệu) đồng cho mỗi trẻ, tổng cộng là 10,000,000 (mười triệu) đồng, cho đến khi trẻ thành niên, thi hành vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thúy Phượng phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300,000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300,000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0088732 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Minh Trí phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300,000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Bà Ngô Thị Thúy Phượng, ông Trần Minh Trí có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- UBND P.2, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh(1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh(1);
- VKSND Q. Bình Thạnh(2);
- CCTHADS Q. Bình Thạnh(1);
- Lưu VP, HS(3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh